

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HS - ST

Ngày: 15/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Danh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Hồi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn B; sinh ngày 04/12/1997; tại: TP.Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; địa chỉ thường trú: 30/3C Âu Cơ, Phường 9, quận B, Thành phố M; Chỗ ở: Nhà không số, Tổ 15, Ấp 4, xã T, huyện M, Thành phố M; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vô danh và bà Trần Thị Ngọc Nở; Bị cáo chưa có vợ con, anh chị em có 02 người, bị cáo lớn nhất; tiền án: Ngày 20/01/2017, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh xử 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 12/HSST.; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22/9/2020 cho đến nay; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Văn T, sinh ngày 03/11/2000; tại: TP.Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 30/3C Âu Cơ, Phường 9, quận B, Thành phố M; Chỗ ở: Nhà không số, Tổ 15, Ấp 4, xã T, huyện M, Thành phố M; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Quá và bà Trần Thị Ngọc Nở; bị cáo chưa có vợ con, anh chị em ruột không có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30/7/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh

áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 28/7/2020; Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21/9/2020 cho đến nay; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: 2/29B Tăng Bạt Hổ, Phường 11, quận T, Thành phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20h30 ngày 21/9/2020, **Trần Văn B** điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha biển số: 59M1 – 131.92 chở **Trần Văn T** lưu thông trên đường Nguyễn Văn Bứa đến khu vực ấp 4, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.HCM thì T phát hiện thấy anh **Nguyễn Văn H** đang điều khiển xe gắn máy phía trước sát lề đường vừa chạy xe vừa sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO A 1601. **T** rủ B cướp giật điện thoại của anh H, B đồng ý và điều khiển xe vượt lên ép sát bên trái xe anh H để **T** chồm người qua, dùng tay phải giật được chiếc điện thoại trên. B tăng tốc độ bỏ chạy thì anh H truy hô và đuổi theo đến ngã tư giao lộ đường Quang Trung và đường Trưng Nữ Vương thì xe của **B và T** va chạm với xe của người đi đường té ngã. Anh H chạy đến cùng người dân bắt giữ **T** cùng phương tiện và tang vật giao cho Công an huyện Hóc Môn lập hồ sơ xử lý. Riêng B bỏ chạy thoát đến ngày 22/9/2020, Cơ quan điều tra đã bắt được B.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha biển số: 59M1 – 131.92. Qua xác minh là của bà Phạm Thị Hiệp là bà ngoại cho B mượn sử dụng không biết B dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hiệp.

- 01 điện thoại di động OPPO A 1601. Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn xác định chiếc điện thoại trị giá 1.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông **Nguyễn Văn H là bị hại**.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS-HS ngày 07/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo **Trần Văn B** về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo **Trần Văn T**, về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo **Trần Văn B**, **Trần Văn T** khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn B** từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn T** từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét..

- Người bị hại ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo Trần Văn B, Trần Văn T trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn B, Trần Văn T, khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, với bản kết luận điều tra của công an huyện Hóc Môn, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 21/9/2020, bị cáo **Trần Văn B** điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha biển số: 59M1 – 131.92 chở **Trần Văn T** lưu thông trên đường Nguyễn Văn Bứa, đến khu vực ấp 4, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.HCM thì T phát hiện thấy anh **Nguyễn Văn H** đang điều khiển xe gắn máy phía trước sát lề đường vừa chạy xe vừa sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO A 1601. T rủ B cướp giật điện thoại của anh H và đucợ B đồng ý. B điều khiển xe vượt lên ép sát bên trái xe anh H để **T** chồm người qua dùng tay phải giật được chiếc điện thoại trị giá 1.000.000 đồng của anh H rồi tăng tốc độ bỏ chạy. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để công khai chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Các bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo B, T thực hiện đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Trần Văn B, ngày 20/01/2017 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, TP.HCM xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo B thực hiện còn có thêm tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo thực hiện tội phạm một cách cố ý, mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Về hình phạt: Khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng các quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, pháp luật còn quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét bị cáo Trần Văn B, Trần Văn T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha biển số: 59M1 – 131.92. Qua xác minh là xe của bà ngoại B tên Phạm Thị Hiệp cho B mượn sử dụng, không biết B dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hiệp là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động OPPO A 1601. Là tài sản của bị hại **Nguyễn Văn H** nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H là có căn cứ.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn B, Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn B, Trần Văn T, phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2/ Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2020.

3/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2020.

4/ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo cáo Trần Văn B, Trần Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra công an H. HM;
- Chi cục THADS H.HM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thành Danh